

Số: 906/QĐ-TDĐTĐN

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 7 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy ngành Giáo dục thể chất (Mã ngành: 7140206)

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐT ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Hội đồng Trường quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Kế hoạch số 683/KH-TDĐTĐN ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng ban hành Kế hoạch rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, đề cương học phần của các chương trình đào tạo sau đánh giá ngoài và tự đánh giá;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục và Trưởng khoa Giáo dục thể chất,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, ngành Giáo dục thể chất, mã ngành 7140206 (có nội dung kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ khoá tuyển sinh năm 2025.

**Điều 3.** Trưởng phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng giáo dục, Trưởng khoa Giáo dục thể chất, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này *Chỉnh*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu, Chủ tịch HĐT;
- Các đơn vị;
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT&BĐCLGD.

### HIỆU TRƯỞNG



**Phan Thanh Hải**

Mẫu: M1-CTĐT  
(Theo Thông tư số 22 /2017/TT-BGDĐT)

**BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TDTT ĐÀ NẴNG**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Trình độ đào tạo:	Đại học
Tên chương trình đào tạo:	<b>Cử nhân Giáo dục thể chất</b>
Ngành đào tạo:	Giáo dục thể chất
Mã ngành:	7140206
Tên chuyên ngành:	Giáo dục thể chất
Tên tiếng Anh:	Physical Education

*Đà Nẵng, 2025*

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2025

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 906/QĐ-TDĐTĐN ngày 18 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học TDTT Đà Nẵng)

Tên chương trình đào tạo: Cử nhân Giáo dục thể chất  
Trình độ đào tạo: Đại học  
Ngành đào tạo: Giáo dục thể chất Mã ngành: 7140206  
Tên chuyên ngành: Giáo dục thể chất  
Tên tiếng Anh: Physical education

### 1. Mục tiêu của chương trình đào tạo:

#### 1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Cử nhân Giáo dục Thể chất nhằm hình thành đội ngũ giáo viên, cán bộ có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống lành mạnh; có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm vững vàng; đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn thể dục trong các cơ sở giáo dục phổ thông.

Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhiệm công tác giảng dạy, huấn luyện, làm việc, quản lý, tổ chức sự kiện TDTT trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và trung tâm đào tạo, huấn luyện TDTT tại các địa phương; Có khả năng khởi nghiệp, thích ứng với môi trường làm việc thay đổi và học tập suốt đời, có phẩm chất đạo đức nhà giáo.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể (PO):

Ký hiệu	Mục tiêu cụ thể
	Kiến thức
PO1	Sinh viên nắm vững kiến thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ nghĩa Mác – Lênin; hiểu và phân tích được các vấn đề về dân tộc trong từng giai đoạn lịch sử. Đồng thời, có hiểu biết sâu về giải phẫu, sinh lý, tâm lý vận động, cấu trúc buổi tập, lượng vận động và quãng nghỉ trong tập luyện và thi đấu thể thao.
PO2	Sinh viên được trang bị kiến thức nền tảng về lý luận, phương pháp giảng

	đạy thể dục thể thao, nghiệp vụ sư phạm và phương pháp nghiên cứu khoa học trong giáo dục thể chất; đủ năng lực thực hiện hiệu quả công tác thể dục thể thao trường học
PO3	Sinh viên hiểu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, kỹ thuật và phương pháp giảng dạy giáo dục thể chất; biết cách đánh giá kết quả học tập, tổ chức huấn luyện, điều hành thi đấu và làm công tác trọng tài các môn thể thao.
	<b>Kỹ năng</b>
PO4	Sinh viên có kỹ năng xây dựng kế hoạch, soạn giáo án, tổ chức giảng dạy, kiểm tra và đánh giá kết quả học tập môn giáo dục thể chất trong nhà trường.
PO5	Sinh viên có kỹ năng thực hành tốt các môn thể thao, có khả năng hướng dẫn, huấn luyện, tổ chức và quản lý hoạt động thi đấu trong môi trường trường học. Biết làm việc độc lập, làm việc nhóm, phân tích và giải quyết vấn đề, vận dụng tư duy sáng tạo trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học.
	<b>Thái độ</b>
PO6	Sinh viên có phẩm chất đạo đức tốt, yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, ý thức công dân cao; thể hiện tác phong sư phạm chuẩn mực và thái độ phục vụ tích cực.
PO7	Sinh viên có tinh thần tự học, ham tìm hiểu qua các phương tiện thông tin, tài liệu chuyên ngành; chủ động bồi dưỡng và cập nhật kiến thức mới, phát huy khả năng sáng tạo trong học tập và nghiên cứu.
	<b>Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp</b>
PO8	Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể đảm nhận công tác giảng dạy môn giáo dục thể chất trong các trường học; tham gia quản lý phong trào thể dục thể thao tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, câu lạc bộ hoặc tổ chức xã hội; đồng thời có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực thể dục thể thao.

## 2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo: (ký hiệu: PLO)

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra
2.1	<b>Kiến thức</b>
PLO1	Vận dụng kiến thức cơ bản thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo; nắm vững kỹ thuật và có kiến thức thực tế để có thể giải quyết các công việc phức tạp; tích lũy được kiến thức nền tảng về các nguyên lý cơ bản.
PLO2	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và xã hội trong lĩnh vực được đào tạo để phát triển kiến thức mới và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn; có kiến thức quản lý, điều hành, kiến thức pháp luật và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực được đào tạo.
PLO3	Vận dụng quy trình, phương pháp, nguyên tắc dạy học và có khả năng vận dụng những tri thức khoa học vào thực tiễn giảng dạy, phát triển phong trào thể dục thể thao, đáp ứng yêu cầu phát triển sự nghiệp giáo dục của

*Handwritten signature*

	nhà trường, các cấp về lĩnh vực giáo dục thể chất và thể thao trường học.
PLO4	Có kiến thức công nghệ thông tin trong về sử dụng máy tính, khai thác mạng internet, phần mềm tin học văn phòng (Word, Excel, Power point ...) để phục vụ công tác chuyên môn.
<b>2.2</b>	<b>Kỹ năng</b>
PLO5	Vận dụng kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi ứng dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành được đào tạo trong những bối cảnh khác nhau; có kỹ năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền.
PLO6	Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề thực tế hay trừu tượng trong lĩnh vực được đào tạo.
PLO7	Thực hiện các kỹ năng giao tiếp để truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.
PLO8	Có năng lực ngoại ngữ ở trình độ tương đương bậc 3/6 (B1) theo Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; sử dụng thành thạo máy tính và các phần mềm ứng dụng phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu.
<b>2.3</b>	<b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>
PLO9	Tổ chức làm việc độc lập, làm việc nhóm trong điều kiện thay đổi và hướng dẫn, quản lý, giám sát người khác, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ.
PLO10	Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm tiếp tục học cao hơn để phục vụ trong công việc. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.
PLO11	Vận dụng năng lực dẫn dắt, hướng dẫn phong trào tập luyện các môn thể thao một cách có hiệu quả. Có sáng kiến trong quá trình giảng dạy và hoạt động phong trào thể dục thể thao, có khả năng định hướng thích nghi với môi trường giảng dạy, huấn luyện và thi đấu các môn thể thao khác nhau.
PLO12	Lập kế hoạch, huấn luyện cho đội tuyển học sinh ở các trường phổ thông, chủ động trong việc lập kế hoạch tổ chức trọng tài các giải thể thao được giao nhiệm vụ.

a) Khối lượng của các học phần phải học lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Sinh viên đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

4. Sinh viên đã hết thời gian học tập tối đa theo quy định nhưng chưa đủ điều kiện tốt nghiệp do chưa hoàn thành những học phần Giáo dục Quốc phòng-An ninh hoặc chưa đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, công nghệ thông tin, trong thời hạn 03 năm tính từ khi thôi học được hoàn thiện các điều kiện còn thiếu và đề nghị xét công nhận tốt nghiệp.

5. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp chứng nhận về các học phần đã tích lũy trong chương trình đào tạo của cơ sở đào tạo.

#### 6. Cách thức đánh giá.

Tổ chức đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa theo thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ Ban hành theo Quyết định số 1069/QĐ-TDĐTĐN ngày 17 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Thể dục Thể thao Đà Nẵng.

#### 7. Nội dung chương trình đào tạo.

STT	MÃ SỐ HP	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng hp	Số tc	Số tiết	Khối lượng kiến thức			
						LÝ THUYẾT	THỰC HÀNH	THỰC TẾ CƠ SỞ	TỰ HỌC
1	<b>Kiến thức giáo dục đại cương</b>			30					
1.1	<b>Lý luận chính trị và pháp luật</b>								
	<b>Bắt buộc</b>			11					
	DCTH7001	Triết học Mác - Lênin	Học phần này triển khai cho sinh viên những cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được nội dung học phần Kinh tế chính trị triết học Mác Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu các nội dung trọng tâm và quá trình hình thành, phát triển của chủ nghĩa Mác Lênin, về thế giới quan và phương pháp luận triết học Mác-Lênin.	3	45	45			105
	DCKT7002	Kinh tế Chính trị Mác-	Học phần này triển khai cho sinh viên những cơ sở lý luận cơ bản nhất để từ đó có thể tiếp cận được	2	30	30			70

		Lênin	nội dung học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh và Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng cách mạng của Đảng, như: Quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội hiện đại, trọng tâm của nó là học thuyết giá trị và học thuyết giá trị thặng dư, học thuyết kinh tế của V.I Lênin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, các kiến thức cơ bản về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và định hướng phát triển trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.						
	DCCN70 03	Chủ Nghĩa xã hội khoa học	Học phần này triển khai cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nền hành chính nhà nước nói chung, nắm được đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước. Hiểu các nguồn lực vật chất, tài chính phục vụ cho hoạt động hành chính nhà nước; Phân tích được hình thức, phương pháp hoạt động hành chính nhà nước trên một số lĩnh vực...	2	30	30			70
	DCLS70 04	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Phân tích những tri thức khoa học về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2018); một số bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng.	2	30	30			70
	DCTT70 05	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần này phân tích cho sinh viên những kiến thức về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh, cụ thể: Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; tư tưởng Hồ Chí	2	30	30			70

			Minh về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của dân, do dân, vì dân; tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hoá, đạo đức, nhân văn.						
<b>1.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>								
	<b>Bắt buộc</b>			6					
	DCTL70 10	Tâm lý học đại cương	Học phần này triển khai cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề chung của tâm lý học, về những cơ sở tự nhiên và xã hội của hoạt động tâm lý, giúp sinh viên nắm được bản chất của sự hình thành tâm lý, ý thức của con người, nắm vững quy luật của các hoạt động nhận thức và vai trò của nhận thức đối với sự phát triển tâm lý - ý thức của nhân cách, qua đó giúp sinh viên nắm được đặc điểm, bản chất về cấu trúc nhân cách, các phẩm chất nhân cách, hình thành và phát triển nhân cách làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy và giáo dục trong quá trình sư phạm.	2	30	30			70
	DCGD70 09	Giáo dục học đại cương	Học phần giải quyết cho sinh viên nắm được những kiến thức giáo dục đại cương cơ bản nhất nhằm vận dụng trong chính quá trình học tập hiện tại và trong nghề nghiệp tương lai. Bên cạnh đó cung cấp những vấn đề cơ bản về phương pháp, phương tiện, nguyên tắc và các hình thức tổ chức dạy học giúp sinh viên có thêm kiến thức và kinh nghiệm trong dạy học.	2	30	30			70
	DCPL70 07	Pháp luật đại cương	Xác định rõ cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung; nhà nước và pháp luật Việt Nam nói riêng, về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật cũng như vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, nắm vững những kiến thức cơ bản về các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và vấn đề pháp chế xã hội chủ nghĩa.	2	30	30			70
<b>1.3</b>	<b>Ngoại ngữ (tiếng</b>			11					

	<b>Anh), Toán, Tin học</b>							
	<b>Bắt buộc:</b>							
	DCNN70 11	Tiếng Anh tổng quát	Xác định những kiến thức ngoại ngữ cơ bản về chuyên ngành TĐTT. Cung cấp một lượng từ vựng, cấu trúc cơ bản về các chuyên ngành, thuật ngữ chuyên ngành trong lĩnh vực thể thao; Một số kiến thức ngữ pháp, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; Làm được một số bài trong giáo trình tiếng Anh chuyên ngành;	3	45	45		105
	DCNN70 12	Tiếng Anh Thể thao	Xác định những kiến thức ngoại ngữ cơ bản về chuyên ngành TĐTT. Cung cấp một lượng từ vựng, cấu trúc cơ bản về các chuyên ngành, thuật ngữ chuyên ngành trong lĩnh vực thể thao; Một số kiến thức ngữ pháp, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; Làm được một số bài trong giáo trình tiếng Anh chuyên ngành;	3	45	45		105
	DCTK70 28	Toán thống kê trong TĐTT	Học phần này xây dựng cho sinh viên các khái niệm cơ bản về xác suất, hoán vị, tổ hợp; Định nghĩa xác suất cổ điển; Dãy phép thử; Đại lượng ngẫu nhiên; Hàm phân bố; Các số đặc trưng; Thống kê; Lý thuyết mẫu; Ước lượng; Bài toán kiểm định giả thiết đơn giản; Hồi quy và tương quan.	2	30	30		70
	DCTI 7013	Tin học và ứng dụng công nghệ số	Học phần này giải quyết cho sinh viên nắm những kiến thức cơ bản tin học, công nghệ thông tin, máy tính điện tử, hệ điều hành và ngôn ngữ lập trình căn bản bao gồm các khái niệm cơ bản, hằng, biến, mảng, biểu thức, các toán tử điều khiển...để viết được một chương trình hoàn chỉnh.	3	45	45		105
<b>1.4</b>	<b>Giáo dục quốc phòng – an ninh</b>			4				
	QPAN70 272	Giáo dục quốc phòng – an ninh	Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT-BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	8	165	75	90	
<b>2.</b>	<b>Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			85				
<b>2.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở</b>			27				

ngành (bắt buộc)							
CSGP70 31	Giải phẫu học TDTT	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản để có thể xác định và phân biệt được hình thái và cấu tạo cơ chế, đặc biệt về hình thái và cấu tạo của bộ máy vận động của một số hệ thống cơ quan liên quan trực tiếp tới việc tiếp thu kiến thức ở các lĩnh vực: sinh lý học TDTT, sinh hoá học TDTT, vệ sinh học, y học TDTT, v.v...	2	30	30		70
CSSL703 2	Sinh lý học TDTT	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản có thể ứng dụng vào thực tế về các môn học thực hành, hiểu biết được các cơ chế hoạt động của các cơ quan trong cơ thể. Sinh lý học có vai trò lý thuyết và thực tiễn quan trọng, nó cung cấp những kiến thức cần thiết từ các quy luật hoạt động của từng cơ quan trong cơ thể của con người.	2	30	30		70
CSYH70 36	Y học TDTT	Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về y - sinh học TDTT để nghiên cứu và tổ chức quá trình giáo dục thể chất nhằm nâng cao sức khoẻ, thành tích thể thao. Trên cơ sở hiểu biết về kiến thức, sinh viên sẽ vận dụng những kiến thức cơ bản của môn y học TDTT để thường xuyên kiểm tra sức khỏe định kỳ và đánh giá lượng vận động qua các bài tập, buổi tập, chu kỳ tập của các môn học thực hành.	2	30	30		70
CSDH70 27	Phương pháp NCKH TDTT	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp NCKH, bước đầu biết tổ chức, triển khai và tiến hành nghiên cứu một đề tài khoa học, biết viết và trình bày một bản báo cáo khoa học theo đúng trình tự quy định.	2	30	30		70
CSTH70 25	Lý luận và PP GDTC	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về TDTT, qua đó các em có thể xác định những kiến thức về bản chất của TDTT, về phương pháp tổ chức các quá trình giáo dục thể chất; hình thành kỹ năng vận dụng lý luận -	3	45	45		105

			phương pháp vào thực tiễn công tác, hình thành niềm tin và tình cảm nghề nghiệp cho sinh viên.					
CSTT702 6	LL và PP TDTT trường học	Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức, đặc điểm tâm sinh lý học sinh phổ thông về giảng dạy động tác, giáo dục các tố chất thể lực cũng như các phương pháp tổ chức hoạt động TDTT nói chung trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, hình thành kỹ năng sư phạm TDTT, xây dựng niềm tin và tình cảm nghề nghiệp của người cán bộ, giáo viên TDTT.	2	30	30			70
CSVS70 30	Vệ sinh học TDTT	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của phòng bệnh, giữ gìn và tăng cường sức khỏe cho mọi người tham gia tập luyện và thi đấu thể thao; Xác định được những kiến thức cơ bản về vệ sinh cá nhân, vệ sinh dinh dưỡng, vệ sinh môi trường, vệ sinh tập luyện và thi đấu.	2	30	30			70
CSLS702 2	Lịch sử TDTT	Học phần này cung cấp cho sinh viên với các khái niệm cơ bản liên quan đến lịch sử và triết lý của thể dục, thể thao vốn có trong thể dục, thể thao phương Tây hiện đại bao gồm: chủ nghĩa lý tưởng Olympic. Sinh viên sẽ thảo luận, phân tích về cấu trúc thể dục, thể thao và các tổ chức thể dục, thể thao ở Việt Nam cũng như giải thích vai trò của các thể chế xã hội, chính trị và kinh tế ảnh hưởng đến đời sống thể dục, thể thao ở Việt Nam. Cuộc thảo luận về sự pha trộn giữa văn hóa thể dục, thể thao giữa “Phương Tây” và “Việt Nam”.	2	30	30			70
CSTL702 0	Tâm lý học TDT T	Trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản có chọn lọc về đặc điểm, bản chất và các quy luật của các hoạt động tâm lý trong lĩnh vực TDTT làm cơ sở cho các phương pháp giảng dạy, huấn luyện và thi đấu TDTT.	2	30	30			70
CSGD70 21	Giáo dục học	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về đặc điểm, bản chất,	2	30	30			70

		TDTT	quy luật của quá trình sư phạm trong TDTT nói chung và quá trình giáo dục trong hoạt động TDTT nói riêng. Mục đích, nội dung, nguyên tắc, phương pháp và hình thức tổ chức của quá trình giáo dục các phẩm chất đạo đức - nhân cách cho người tập.					
	CSGT70 23	Giao tiếp sư phạm	Trang bị những kiến thức về: Các vấn đề chung về giao tiếp và phương tiện giao tiếp; Giao tiếp sư phạm, đặc trưng, vai trò và hình thức giao tiếp sư phạm; Các nguyên tắc, các loại phong cách giao tiếp sư phạm.	2	30	30		70
	CSCĐ70 270	Công tác đoàn đội	Học phần bao gồm những cơ sở lý luận về mục đích, ý nghĩa, phương hướng, nội dung, nguyên tắc và phương pháp công tác Đoàn - Đội trong nhà trường; Hình thành những kỹ năng nghiệp vụ về công tác Đoàn - Đội.	2	30	30		70
	CSQL70 43	Quản lý TDTT	Học phần xây dựng cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nền hành chính nhà nước nói chung và ngành Giáo dục – Đào tạo nói riêng, nắm được đường lối, quan điểm về giáo dục và đào tạo của Đảng và Nhà nước.	2	30	30		70
<b>Nhóm các môn lý thuyết (tự chọn)</b>				2				
<b>(chọn 2/6 tín chỉ)</b>								
	CSSH70 34	Sinh hoá TDTT	Học phần này cung cấp cho sinh viên nắm được sự biến đổi các chất, sự chuyển hoá năng lượng trong cơ thể sống nói chung và người tập thể dục thể thao nói riêng. Hiểu được các vấn đề về sinh hoá đại cương và sinh hoá vận động. Hiểu được các yếu tố ảnh hưởng của quá trình chuyển hoá trao đổi chất đến hoạt động sống, tập luyện và thành tích thể thao, giúp cho sinh viên hiểu rõ và có ý thức hơn về việc tập luyện, thi đấu thể thao và các yếu tố ảnh hưởng của chất dinh dưỡng đến thành tích thể thao.	2	30	30		70
	CSSC70 35	Sinh cơ học TDTT	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức có giá trị nền tảng và hệ thống về các chuyển động, cân bằng và vấn đề an toàn cho bộ máy vận động trong thể thao, khả năng chịu lực và cách	2	30	30		70

			thức tạo ra chuyển động của bộ máy vận động, ảnh hưởng của các ngoại lực lên các chuyển động trong thể thao, ứng dụng các quy luật cơ học trên cơ bắp của người trong vận động thể thao, đo lường và kiểm tra sinh cơ, các phương tiện hỗ trợ cho việc học, thực hành và luyện tập.						
	CSDL70 29	Đo lường thể thao	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và phương pháp cơ bản về đo lường để áp dụng vào học tập và NCKH trên lĩnh vực TDTT như test, độ tin cậy, tính thông báo, tính đánh giá, tiêu chuẩn... Hình thành kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào học tập, NCKH và công tác. Góp phần rèn luyện cho sinh viên tính khoa học, hệ thống, tư duy logic.	2	30	30			70
<b>2.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>								
	<b>Bắt buộc</b>			46					
	THDK7 045	Điện kinh 1	Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn Điện kinh, đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài một số nội dung chính của môn điện kinh.	2	30	6	24		70
	THDK7 046	Điện kinh 2	Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số nội dung chính của môn Điện kinh, đồng thời bồi dưỡng phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức thi đấu và làm trọng tài một số nội dung chính của môn điện kinh.	2	30	6	24		70
	THTD70 47	Thể dục1	Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống những kiến thức khoa học và phương pháp sử dụng các bài tập phát triển thể chất (tay không, có dụng cụ). Ngoài ra, học phần còn góp phần phát triển các tố chất thể lực cơ bản, rèn luyện các phẩm chất về đạo đức và ý chí, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập các môn thể thao khác.	2	30	6	24		70
	THTD70 48	Thể dục2	Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống những kiến thức	2	30	6	24		70

			khoa học và phương pháp sử dụng các bài tập phát triển thể chất (tay không, có dụng cụ). Ngoài ra, học phần còn góp phần phát triển các tố chất thể lực cơ bản, rèn luyện các phẩm chất về đạo đức và ý chí, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập các môn thể thao khác.						
	THBL70 49	Bơi 1	Học phần này cung cấp cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn bơi lội và phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu và trọng tài... của môn thể thao này; nắm vững nguyên lý kỹ thuật bơi, phương pháp dạy bơi ban đầu, trọng tài bơi cấp cơ sở.	2	30	6	24		70
	THBL70 50	Bơi 2	Học phần này cung cấp cho sinh viên có được những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm, ý nghĩa môn bơi lội và phương pháp giảng dạy, tổ chức thi đấu và trọng tài... của môn thể thao này; nắm vững nguyên lý kỹ thuật bơi, phương pháp dạy bơi ban đầu, trọng tài bơi cấp cơ sở.	2	30	6	24		70
	THTC70 60	Trò chơi vận động	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận và phương pháp biên soạn, khả năng hướng dẫn, tổ chức các trò chơi vận động. Biết vận dụng vào thực tiễn công tác giáo dục thể chất và huấn luyện thể thao.	2	30	15	15		70
<b>Nhóm các môn thực hành (tự chọn)</b>									
<b>Các môn tự chọn không được chọn lại môn chuyên sâu</b>									
<b>Nhóm Tự chọn 1 (chọn 4/8 tín chỉ)</b>				4					
	THBC70 56	Bóng chuyên	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử, đặc điểm, tác dụng, luật, nguyên lý về các kỹ thuật môn bóng chuyên và biết phương pháp tổ chức thi đấu, hướng dẫn tập luyện ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, phổ thông và công tác phong trào tại các tỉnh, thành, ngành	4	60	12	48		140
	THBR70 54	Bóng rổ	Học phần này cung cấp cho sinh viên sự phát triển toàn diện, nắm vững hệ thống kiến thức lý luận và kỹ	4	60	12	48		140

			năng thực hành cơ bản của môn học bóng rổ. Nhận thức thực trạng, xu hướng phát triển môn bóng rổ trong nước và quốc tế, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, góp phần rèn luyện ý chí và phẩm chất đạo đức, tác phong. Nâng cao chất lượng đào tạo trong thời kỳ đổi mới hiện nay.						
<b>Nhóm Tự chọn 2 (chọn 4/8 tín chỉ)</b>				4					
THCL70 52	Cầu lông	Học phần này cung cấp cho sinh viên phát triển toàn diện, nắm vững các kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành, về lịch sử phát triển môn cầu lông, nguyên lý chung về cầu lông, thực hiện các kỹ thuật một cách thành thạo, về phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức và trọng tài Cầu lông.	4	60	12	48			140
THBB70 53	Bóng bàn	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử quá trình phát triển môn bóng bàn, phương pháp giảng dạy, nguyên lý chung về đánh bóng, phương pháp tổ chức giảng dạy môn bóng bàn và thực hiện được các kỹ thuật một cách thành thạo, biết tổ chức thi đấu, làm trọng tài tại cơ sở.	4	60	12	48			140
<b>Nhóm Tự chọn 3 (chọn 4/8 tín chỉ)</b>				4					
THBD70 55	Bóng đá	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất, đặc điểm vai trò của môn bóng đá và những nguyên lý thực hiện kỹ chiến thuật, phương pháp giảng dạy, về tổ chức thi đấu và trọng tài.	4	60	12	48			140
THVT70 58	Võ thuật	Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống những kiến thức cơ bản về một trong các môn học <i>Karatedo</i> , <i>Taekwondo</i> , <i>Võ cổ truyền</i> , <i>Vovinam</i> , nắm vững phương pháp, nguyên tắc dạy học trong môn võ, đồng thời có khả năng vận dụng những tri thức này vào thực tế giảng dạy, hướng dẫn cho người tập phát triển về thể chất.	4	60	12	48			140
<b>Nhóm Tự chọn 4 (chọn 4/8 tín chỉ)</b>				4					
THQV70 57	Quần vợt	Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn quần vợt, vận dụng thực hành kỹ thuật động tác,	4	60	12	48			140

			giảng dạy - huấn luyện. Lựa chọn các bài tập môn quần vợt, đã học để phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động.						
	THCV70 68	Cờ vua	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của môn học cờ vua về lý luận, kỹ năng thực hành cờ vua, năng lực tổ chức thi đấu và điều hành giải đấu cờ vua tại cơ sở.	4	60	12	48		140
<b>Nhóm Tự chọn 5 (chọn 2/6 tín chỉ)</b>									
	THAE70 62	Aerobic	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về Aerobic cũng như phương pháp tổ chức tập luyện; hình thành kỹ năng thực hiện các dạng bài tập, vận dụng lý luận – phương pháp vào thực tiễn hướng dẫn tập luyện.	2*	30	6	24		70
	THCĐ70 61	Âm nhạc vũ đạo	Học phần này cung cấp cho sinh viên nội dung giảng dạy chủ yếu về các động tác vũ đạo múa của các vùng miền khác nhau ở Việt Nam và 04 điệu nhảy khiêu vũ thể thao.	2*	30	6	24		70
	THCĐ70 67	Thể thao cổ động	Học phần này cung cấp cho sinh viên nắm vững các hình thức cổ động thể thao như nhảy múa, nhào lộn, xếp tháp người... cùng sử dụng các dụng cụ kèm theo để trình diễn như bông tua, lụa, hoa, cờ, quạt...	2*	30	6	24		70
<b>Nhóm Tự chọn 6 (chọn 2/6 tín chỉ)</b>									
	THGY70 65	Gym	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về TDTT, phương pháp phát triển thể lực trong phòng tập, về phương pháp tổ chức tập luyện; hình thành kỹ năng thực hiện các dạng bài tập, vận dụng lý luận – phương pháp vào thực tiễn hướng dẫn tập luyện.	2*	30	6	24		70
	THDC70 59	Đá cầu	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn đá cầu để có khả năng giảng dạy hướng dẫn, tổ chức thi đấu và trọng tài ở các trường phổ thông, cao đẳng, đại học và cơ sở.	2*	30	6	24		70
	THPK70 66	Pickleball 1	Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống những kiến thức và kỹ năng cơ bản của môn Pickleball, vận dụng thực hành kỹ thuật động tác, giảng dạy - huấn luyện. Lựa chọn các bài tập môn Pickleball, đã học để	2*	30	6	24		70

			phát triển thể chất và nâng cao năng lực vận động.						
<b>2.4</b>	<b>Học phần kiến thức chuyên ngành</b>			24					
	Học phần dành cho Thể thao chuyên ngành GDTC: Chọn 1 trong các chuyên ngành sau: (ĐK, TD, TTDN (Bơi, Lặn, Đua thuyền), BD, CL, BR, BB, BC, CV, VT (Karatedo, Taekwondo, Cổ truyền, Quyền anh) QV.			24	450	90	350	34	45C
	CS1	Chuyên sâu 1		4	60	12	48		14C
	CS2	Chuyên sâu 2		4	60	12	48		14C
	CS3	Chuyên sâu 3		4	60	12	48		14C
	CS4	Chuyên sâu 4		4	60	12	48		14C
	CS5	Chuyên sâu 5		4	60	12	48		14C
	CS6	Chuyên sâu 6		4	60	12	48		14C
<b>3</b>	<b>Kiến thức nghiệp vụ</b>			15					
<b>3.1</b>	<b>Thực tập tốt nghiệp và làm khoá luận</b>								
	NVSP70 185	Thực tập sư phạm	Thực tập ở các trường THPT, các sở giúp sinh viên tập làm quen với cương vị giáo viên, trợ và giảng dạy các môn trong chương trình. Tổng kết, đánh giá kết quả thực tập.	6	300				
	NVTH7 0182	Kiến tập	Kiến tập ở các trường Tiểu học và THCS, giúp sinh viên tập làm quen với cương vị giáo viên, trợ giảng, giảng dạy các môn trong chương trình. Tổng kết, đánh giá kết quả kiến tập.	3	100				
	KLTN70 186	Khóa luận tốt nghiệp	Được thực hiện ở học kỳ VIII, sinh viên nhận đề khóa luận tốt nghiệp hoặc học các chuyên đề thay thế theo quy định trong quy chế đào tạo Đại học hệ chính quy. Đối với khóa luận nội dung đề tài hoặc học các chuyên đề thay thế phải đúng với đề cương đã được hội đồng khoa học thông qua. Sinh viên bảo vệ trước hội đồng chấm thi tốt nghiệp.	6	300				
<b>3.2</b>	<b>Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>			6					
	<b>Bắt buộc:</b>			2					
	NGGD70 190	Lý thuyết ngành (chuyên đề)	Học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về xây dựng kế hoạch và tổ chức quản lý các hoạt động TDTT trường học, chương trình tổng thể giáo dục phổ thông, giáo dục thể	2	30	30			70

			chất, cách thức tổ chức trọng tài, thi đấu các môn thể thao học đường để đáp ứng nhu cầu xã hội và phát triển tài năng thể thao trong nhà trường các cấp.					
	NGGD70 191	Lý luận dạy học TDDT	Học phần này nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học như là quá trình dạy học, mục tiêu & nội dung dạy học, các vấn đề về phương pháp, phương tiện & kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học. Đây cũng là học phần nền tảng để giúp sinh viên có được kiến thức về Phương pháp giảng dạy, điều tra cơ bản, quản lý phong trào TDDT.	2*	30	30		70
	NGHL701 88	Sinh lý học TDDT (chuyên đề)	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mệt mỏi và hồi phục, tác dụng sinh lý của các phương pháp hồi phục trong thể thao; nguyên tắc xây dựng và kĩ năng sử dụng các bài tập hồi phục trong chăm sóc sức khỏe, hồi phục thể lực của người tập thể thao.	2*	30	30		70
	<b>Tổng khối lượng kiến thức chương trình</b>			<b>130</b>	<b>1815</b>	<b>1173</b>	<b>640</b>	<b>4235</b>

### 8. Hướng dẫn thực hiện:

Chương trình được thiết kế dựa trên các quy định về đào tạo đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, được áp dụng cho sinh viên ngành giáo dục thể chất kể từ kỳ tuyển sinh năm học 2025 - 2026 (khóa 19).

- Quá trình đào tạo được dựa trên chương trình giảng dạy được thiết kế, mục tiêu đào tạo và đối tượng hướng đến, yêu cầu nguồn nhân lực và những yêu cầu riêng cho đào tạo. Với những học phần tự chọn, tùy vào tình hình thực tế của xu thế phát triển, nhu cầu xã hội, Khoa sẽ tư vấn cho sinh viên chọn những học phần thích hợp.

- Trường khoa chịu trách nhiệm tổ chức và hướng dẫn các nguyên tắc để phát triển đề cương chi tiết nhằm đảm bảo mục tiêu, nội dung và các yêu cầu được đáp ứng, đồng thời thỏa mãn được nhu cầu của người học và xã hội.

- Chương trình đào tạo được rà soát và cập nhật 2 năm, đáp ứng sự phát triển của ngành Giáo dục thể chất và phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 7 năm 2025

